TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2025/DS-ST.
Ngày: 24/12/2025
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Nghĩa

Ông Huỳnh Văn Lơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà **Lâm H**, sinh ngày: 01/01/1954. (Vắng mặt)

CCCD số …., cấp ngày 10/5/2021.

2/ Ông **Lý K**, sinh ngày 01/01/1960 (Vắng mặt)

CCCD số …., cấp ngày 09/7/2021.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, Thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lý B (tên thường gọi S), sinh ngày 01/01/1990, theo giấy ủy quyền chứng thực ngày 06/10/2025 (Có mặt)

CCCD số ……, cấp ngày 23/9/2022

Địa chỉ: ấp B, xã T, Thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1/ **Ông Lý T (**tên thường gọi Út), sinh ngày 01/01/1976. (Có mặt)

CCCD số ….., cấp ngày 09/7/2021

2/ **Bà Danh A**, sinh ngày 01/01/1975 (Có mặt)

CCCD số …., cấp ngày 26/4/2021

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 10/7/2025, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp nguyên đơn ông Lý B trình bày:

Năm 2017 mẹ ông là bà Lâm H có hỏi vay tiền ngân hàng số tiền mấy trăm triệu đồng. Khi vay tiền về có chia lại cho vợ chồng bà Danh A và ông Lý T số tiền 150.000.000 đồng, đến kỳ hạn đóng lãi thì vợ chồng bà A sẽ đưa tiền lãi trên số tiền 150.000.000 đồng cho mẹ ông để đi đóng lãi ngân hàng. Năm 2020 thì cha mẹ ông có bán đất cho vợ chồng bà A, rồi chuộc lại đất cố cho vợ chồng bà A có cấn trừ số tiền chia vay 150.000.000 đồng, còn lại số tiền 80.000.000 đồng. Vợ chồng bà A cứ tiếp tục đưa tiền đóng lãi định kỳ cho mẹ ông khi đến hạn đóng lãi ngân hàng trên số tiền 80.000.000 đồng, vợ chồng bà A đưa tiền lãi cho mẹ ông đóng trả nợ ngân hàng đến cuối năm 2022 thì ngưng. Do cuối năm 2022 thì mẹ ông có bán thửa đất đang thế chấp cho ngân hàng vay tiền nên đã trả toàn bộ khoản vay trong ngân hàng để lấy bản chính giấy chứng nhận QSD đất về. Từ đó về sau vợ chồng bà A không có đưa tiền lãi cho mẹ ông nữa. Cũng không có trả lại số tiền đã chia khi vay ngân hàng còn nợ lại là 80.000.000 đồng.

Nay ông đại diện cho ông Lý K và bà Lâm H yêu cầu vợ chồng bà Danh A và ông Lý T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho họ số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và lãi suất chậm trả là 10%/năm tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm. Và vợ chồng bà A xin trả dần mỗi năm 30.000.000 đồng là ông không đồng ý.

Đối với ý kiến vợ chồng bà A, ông T cho rằng số tiền 80.000.000 đồng là tiền sang đất còn nợ cha mẹ ông thì ông xác định không phải nợ tiền sang đất mà là nợ tiền hùn vay ngân hàng.

2/ Tại phiên hòa giải lập ngày 08/12/2025, cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Danh A trình bày:

Vợ chồng bà thừa nhận còn thiếu tiền của bà Lâm H, số tiền mua đất còn nợ là 80.000.000 đồng chứ không phải số tiền mẹ bà vay ngân hàng để về chia lại cho vợ chồng bà.

Khoảng năm 2017 lúc đó mẹ ruột bà là bà Lâm H có hỏi vay tiền ngân hàng, thì đúng là bà có chia tiền hỏi vay ngân hàng cùng mẹ bà số tiền 150.000.000 đồng, nhưng sau đó năm 2019 thì mẹ bà và ông Lý K có bán đất cho vợ chồng bà số tiền bán đất là 376.000.000 đồng, rồi chuộc lại đất cầm cố cho vợ chồng bà, tổng số tiền chuộc đất cố là 156.000.000 đồng. Rồi bà và mẹ bà có thỏa thuận cấn trừ vào số tiền chia khi vay ngân hàng 150.000.000 đồng; tức là bà không còn nợ tiền vay ngân hàng nữa, vợ chồng bà chỉ còn nợ lại tiền mua đất là 80.000.000 đồng từ năm 2020 đến nay. Năm 2023 thì mẹ bà đã trả hết nợ cho ngân hàng, nên bà đâu còn thiếu tiền ngân hàng mà đòi tiền lãi suất.

Nay vợ chồng bà chỉ đồng ý trả cho bà Lâm H, ông Lý K số tiền mua đất

còn nợ là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), không đồng ý trả lãi suất. Vợ chồng bà yêu cầu được trả một vụ lúa đông xuân là 20.000.000 đồng và vụ lúa hè thu là 10.000.000 đồng.

3/ Tại phiên hòa giải lập ngày 08/12/2025, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Lý T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Danh A, vợ chồng ông đúng là còn nợ mẹ vợ ông - bà Lâm H số tiền mua đất còn thiếu là 80.000.000 đồng. Nay vợ chồng ông cũng thống nhất trả số tiền 80.000.000 đồng cho bà Lâm H nhưng vụ đông xuân trả là 20.000.000 đồng và vụ lúa hè thu là 10.000.000 đồng. Không đồng ý trả lãi suất.

4/ Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử (HĐXX) đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật. Còn các nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tham gia phiên tòa nên cũng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý K và bà Lâm H. Buộc ông Lý T và bà Danh A cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lý K và bà Lâm H số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 24/12/2025 là 02 năm 11 tháng 23 ngày, lãi suất 10%/năm, số tiền lãi là 23.749.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại các phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lý T và bà Danh A cùng địa chỉ cư trú tại ấp B, xã T, thành phố Cần Thơ trả lại số tiền chia lại sau khi vay vốn của ngân hàng còn nợ 80.000.000 đồng và yêu cầu lãi suất 10%/năm. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp đòi lại tài sản" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Việc vắng mặt đương sự: Các nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các nguyên đơn.

[3] Nguyên đơn ông Lý K và bà Lâm H yêu cầu các bị đơn ông Lý T và bà Danh A cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền chia tiền vay còn nợ 80.000.000

đồng và lãi suất từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử 24/12/2025 với mức lãi suất là 10%/năm, thành tiền là 23.749.000 đồng.

[4] Bị đơn ông Lý T và bà Danh T thừa nhAn còn nợ nguyên đơn ông K và bà H số tiền là 80.000.000 đồng nhưng không phải là tiền chia tiền vay ngân hàng mà là tiền mua bán đất còn nợ. Các bị đơn ông T và bà A thừa nhận còn nợ các nguyên đơn ông K, bà H đúng số tiền 80.000.000 đồng; các bị đơn ông T và bà A thừa nhận năm 2017 có chia tiền vay ngân hàng với bà H số tiền 150.000.000 đồng. Những sự thừa nhận này của các bị đơn là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Các bị đơn cho rằng số tiền nợ các nguyên đơn ông K và bà H 80.000.000 đồng là nợ tiền mua đất còn thiếu do năm 2019 và năm 2020 thì vợ chồng ông K và bà H đã bán cho các bị đơn ông T và bà A mấy công đất cộng với chuộc lại đất cố, giữa mẹ bà (bà H) và vợ chồng bà đã thỏa thuận cấn trừ số tiền vay 150.000.000 đồng vào số tiền mua bán đất nhưng không được người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thừa nhận. Như vậy, nghĩa vụ chứng minh khi mua bán đất, chuộc đất cố thì giữa vợ chồng bà A và bà H có thỏa thuận cấn trừ số tiền 150.000.000 đồng vào tiền mua đất và còn nợ lại số tiền 80.000.000 đồng là nợ tiền mua đất phải là của các bị đơn. Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*". Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa thì ngoài lời trình bày ra, các bị đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Nên xác định ông T và bà A còn nợ ông K và bà H số tiền 80.000.000 đồng là tiền vợ chồng bà A đã chia tiền vay ngân hàng từ bà Lâm H. Vợ chồng ông K và bà H đã trả nợ vay của ngân hàng xong từ cuối năm 2022 nên việc nguyên đơn đòi lại số tiền nợ 80.000.000 đồng và lãi suất chậm trả kể từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử, mức lãi suất 10%/năm, số tiền lãi 23.749.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 166 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét ý kiến của các bị đơn xin trả dần số tiền cho các nguyên đơn nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận. Các đương sự có thể thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông K và bà H được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Các nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét về tạm ứng án phí. Các bị đơn ông T và bà A cùng liên đới phải chịu án phí số tiền 5.187.000 đồng (103.749.000đ x 5%) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích nêu trên, xét lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 166 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lý K và bà Lâm H về việc yêu cầu các bị đơn ông Lý T và bà Danh A trả tiền.

2/ Buộc các bị đơn ông Lý T và bà Danh A cùng có trách nhiệm liên đới trả cho các nguyên đơn ông Lý K và bà Lâm H số tiền tổng cộng là 103.749.000 (Một trăm lẻ ba triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng) trong đó tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 23.749.000 đồng.

3/ Về lãi chậm thực hiện: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

+ Ông Lý K và bà Lâm H không phải chịu án phí.

+ Ông Lý T và bà Danh A cùng có trách nhiệm liên đới phải chịu án phí số tiền 5.187.000 đồng (Năm triệu, một trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng

TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 02/2026/QĐ-SCBSBA	*Cần Thơ, ngày 08 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do nhầm lẫn về khâu đánh máy trong bản án dân sự sơ thẩm số: 178/2025/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về Tranh chấp hợp đồng đòi lại tài sản, giữa

- Nguyên đơn:

1/ Bà **Lâm H**, sinh ngày: 01/01/1954.

CCCD số …., cấp ngày 10/5/2021.

2/ Ông **Lý K**, sinh ngày 01/01/1960

CCCD số …., cấp ngày 09/7/2021.

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, Thành phố Cần Thơ.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lý B (tên thường gọi S), sinh ngày 01/01/1990, theo giấy ủy quyền chứng thực ngày 06/10/2025

CCCD số ……, cấp ngày 23/9/2022

Địa chỉ: ấp B, xã T, Thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1/ **Ông Lý T (**tên thường gọi Út), sinh ngày 01/01/1976.

CCCD số ….., cấp ngày 09/7/2021

2/ **Bà Danh A**, sinh ngày 01/01/1975

CCCD số …., cấp ngày 26/4/2021

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, Thành phố Cần Thơ.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2025/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ như sau:

1/ Tại dòng thứ 7 trang 3 từ dưới lên của bản án đã ghi: **“**[1] Về thẩm quyền: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lý Thía ……”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: **“**[1] Về thẩm quyền: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lý **T** ……”

2/ Tại dòng thứ 01, 02 trang 3 từ dưới lên của bản án đã ghi: "….Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự"

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: "….Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản **2** Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự"

3/ Tại dòng thứ 13 trang 5 từ trên xuống của bản án đã ghi: **"**Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35,……"

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: **"**Căn cứ khoản **2** Điều 26, Điều 35,……"

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng